

# CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 22



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**1. Công ty**

Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004698 (Mã số doanh nghiệp: 0301121128) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 09 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 10 năm 2011 (thay đổi người đại diện pháp luật).

Văn phòng của Công ty được đặt tại 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói; dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải; dịch vụ giữ xe hai bánh; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 16 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

Và ngày 17 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Phạm Văn Thông	Chủ tịch
Bà Chu Thị Tuyết Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Bùi Việt	Thành viên
Ông Kiều Nam Thành	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Văn Thông	Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 06 tháng 10 năm 2011)
Ông Kiều Nam Thành	Tổng Giám đốc (được bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 10 năm 2011)
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc

**Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Thành	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Thay mặt Hội đồng quản trị**



**Ông PHẠM VĂN THÔNG**  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012

Số : 00342 HCM/64b.11

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 04 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



---

**ĐẶNG THỊ MỸ VÂN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

---

**TRƯƠNG THỊ HƯƠNG**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV**CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE MIỀN TÂY

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.712.893.403</b>	<b>40.719.366.924</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>20.350.140.898</b>	<b>9.301.863.225</b>
Tiền	111		2.350.140.898	3.301.863.225
Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	6.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>21.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	21.000.000.000	29.000.000.000
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>2.541.822.527</b>	<b>2.120.413.095</b>
Phải thu khách hàng	131	4.3	595.889.255	402.694.308
Trả trước cho người bán	132	4.4	1.319.775.417	1.540.156.787
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	626.157.855	177.562.000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.6	<b>65.425.500</b>	<b>4.389.299</b>
Hàng tồn kho	141		65.425.500	4.389.299
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>755.504.478</b>	<b>292.701.305</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		571.162.478	126.977.305
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	184.342.000	165.724.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>40.742.685.386</b>	<b>30.219.908.369</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.208.802.982</b>	<b>8.028.375.965</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	13.863.841.802	7.711.397.607
Nguyên giá	222		31.691.321.151	22.407.935.829
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.827.479.349)	(14.696.538.222)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	113.027.857	135.850.631
Nguyên giá	228		2.757.173.390	2.724.173.390
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.644.145.533)	(2.588.322.759)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	231.933.323	181.127.727
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.11	<b>26.533.882.404</b>	<b>22.191.532.404</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.533.882.404	3.191.532.404
Đầu tư dài hạn khác	258		19.000.000.000	19.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85.455.578.789</b>	<b>70.939.275.293</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE MIỀN TÂY

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.067.628.060</b>	<b>18.001.281.895</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.522.700.456</b>	<b>16.589.272.407</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.12	1.102.657.190	109.162.854
Người mua trả tiền trước	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	1.985.153.377	1.190.986.083
Phải trả công nhân viên	315		6.934.049.781	5.404.899.147
Chi phí phải trả	316	4.14	2.829.318.200	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	7.975.216.818	8.091.599.435
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.16	1.696.305.090	1.792.624.888
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.544.927.604</b>	<b>1.412.009.488</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.17	1.402.684.081	1.227.988.700
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4.18	54.522.570	184.020.788
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		87.720.953	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>61.387.950.729</b>	<b>52.937.993.398</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.19	<b>61.387.950.729</b>	<b>52.937.993.398</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		17.605.530.111	14.829.259.790
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.561.620.134	2.561.620.134
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		16.220.800.484	10.547.113.474
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>85.455.578.789</b>	<b>70.939.275.293</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

### CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thuyết  
minh

31/12/2011

01/01/2011

Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Ngoại tệ các loại (USD)	-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

**ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN**  
Kế toán trưởng



**KIỀU NAM THÀNH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>48.265.958.112</b>	<b>41.054.100.190</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>48.265.958.112</b>	<b>41.054.100.190</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	<b>26.769.687.703</b>	<b>19.554.111.121</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>21.496.270.409</b>	<b>21.499.989.069</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	8.372.469.376	5.302.077.850
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.196.543.124	6.608.436.538
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>23.672.196.661</b>	<b>20.193.630.381</b>
Thu nhập khác	31	5.4	884.366.209	1.109.652.176
Chi phí khác	32	5.5	11.413.723	126.712.700
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>872.952.486</b>	<b>982.939.476</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>24.545.149.147</b>	<b>21.176.569.857</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	6.040.681.732	3.547.264.841
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>18.504.467.415</b>	<b>17.629.305.016</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.7	7.402	7.052

**ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN**  
Kế toán trưởng




**KIỀU NAM THÀNH**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	2011 VND	2010 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	24.545.149.147	21.176.569.857
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.317.803.901	1.679.920.584
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.402.469.376)	(5.529.350.577)
Chi phí lãi vay	06	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>19.460.483.672</b>	<b>17.327.139.864</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(884.212.605)	(795.093.110)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(61.036.201)	(2.413.999)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	3.631.643.073	1.789.413.509
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	-	185.288.357
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.470.035.234)	(4.705.664.285)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	422.575.698	749.399.263
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.213.287.178)	(3.037.819.588)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>14.886.131.225</b>	<b>11.510.250.011</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.397.972.928)	(7.470.271.280)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	30.000.000	227.272.727
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	50.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(52.342.350.000)	(57.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	58.000.000.000	63.792.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.372.469.376	5.125.377.850
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.662.146.448</b>	<b>4.224.379.297</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.500.000.000)	(7.510.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>(7.510.400.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>11.048.277.673</b>	<b>8.224.229.308</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>9.301.863.225</b>	<b>1.077.633.917</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>20.350.140.898</b>	<b>9.301.863.225</b>

  
**ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN**  
 Kế toán trưởng

  
**KIỀU NAM THÀNH**  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004698 (Mã số doanh nghiệp: 0301121128) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 09 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 10 năm 2011 (thay đổi người đại diện pháp luật).

Văn phòng của Công ty được đặt tại 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2011, hoạt động chính của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và kí ốt; dịch vụ giữ xe hai bánh.

Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 16 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

Và ngày 17 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 163 người. Năm 2010, tổng số nhân viên của Công ty là 162 người.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Giá trị thương hiệu "Miền Tây" và phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

**3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3.7 Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

**3.8 Các khoản phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

**3.9 Doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi kết quả của việc cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng không xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia.

**3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

***Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp***

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ – CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ, Nghị định số 187/2004/NĐ – CP ngày 16 tháng 11 năm 2004, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp do chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần như sau :

- Được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2006, và 2007);
- Giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 (ba) năm tiếp theo (năm 2008, 2009 và 2010).

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3.11 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn	TP.HCM	Công ty mẹ
Xí nghiệp Đô Thành	TP.HCM	Xí nghiệp trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Quận 8	TP.HCM	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng Dầu (COMECO)	TP.HCM	Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	TP.HCM	Công ty liên kết

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.246.899.199	624.321.910
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	1.103.241.699	2.677.541.315
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND	18.000.000.000	6.000.000.000
	<b>20.350.140.898</b>	<b>9.301.863.225</b>

**4.2 Đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn vay (a)	2.000.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm	14.000.000.000	24.000.000.000
Công ty TNHH quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á (b)	5.000.000.000	5.000.000.000
	<b>21.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>

(a) Cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn vay theo:

*Biên bản thỏa thuận vay vốn số 33/TTVV - SC ngày 22 tháng 3 năm 2011, phụ lục số 128/PLHĐVV-SC ngày 23 tháng 12 năm 2011:*

Số tiền cho vay : 2.000.000.000 VND  
 Lãi suất cho vay : 1,166%/tháng, tương đương 14%/năm, trả lãi hàng tháng. Lãi suất sẽ điều chỉnh theo lãi suất thay đổi của ngân hàng.  
 Mục đích cho vay : bổ sung vốn kinh doanh  
 Ngày đáo hạn : ngày 31/03/2012

(b) Đầu tư ngắn hạn khác vào Công ty TNHH quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á là giá trị ủy thác đầu tư theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 21/2011/HĐ/QLDM/DAC ngày 04 tháng 12 năm 2011, thời gian ủy thác là 01 năm kể từ khi hợp đồng này có hiệu lực.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.3	Các khoản phải thu thương mại	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Phải thu thương mại – bên thứ ba	<u>595.889.255</u>	<u>402.694.308</u>
4.4	Trả trước cho người bán	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Trả trước cho người bán – bên thứ ba	<u>1.319.775.417</u>	<u>1.540.156.787</u>
4.5	Các khoản phải thu khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Phải thu lãi cho vay	253.022.000	176.700.000
	Phải thu thuế thu nhập cá nhân	371.329.273	-
	Phải thu khác	1.806.582	862.000
		<u>626.157.855</u>	<u>177.562.000</u>
4.6	Hàng tồn kho	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Nguyên vật liệu	53.686.500	-
	Công cụ, dụng cụ	11.039.000	2.625.299
	Hàng hóa	700.000	1.764.000
	<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>65.425.500</b>	<b>4.389.299</b>
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<b>Giá trị thuần</b>	<u><b>65.425.500</b></u>	<u><b>4.389.299</b></u>
4.7	Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Tạm ứng nhân viên	<u>184.342.000</u>	<u>165.724.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/01/2011	19.511.664.504	1.310.576.366	1.009.045.273	576.649.686	22.407.935.829
Mua trong năm	56.849.251	89.550.000	-	61.854.546	208.253.797
Xây dựng cơ bản hoàn thành	9.181.816.356	26.253.872	-	-	9.208.070.228
Thanh lý trong năm	(131.040.000)	-	-	-	(131.040.000)
Giảm khác trong năm	(1.898.703)	-	-	-	(1.898.703)
Vào ngày 31/12/2011	<u>28.617.391.408</u>	<u>1.426.380.238</u>	<u>1.009.045.273</u>	<u>638.504.232</u>	<u>31.691.321.151</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/01/2011	12.401.725.007	892.500.356	860.388.679	541.924.180	14.696.538.222
Khấu hao tăng trong năm	2.941.568.060	157.537.531	148.656.594	14.218.942	3.261.981.127
Thanh lý trong năm	(131.040.000)	-	-	-	(131.040.000)
Vào ngày 31/12/2011	<u>15.212.253.067</u>	<u>1.050.037.887</u>	<u>1.009.045.273</u>	<u>556.143.122</u>	<u>17.827.479.349</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/01/2011	7.109.939.497	418.076.010	148.656.594	34.725.506	7.711.397.607
Vào ngày 31/12/2011	<u>13.405.138.341</u>	<u>376.342.351</u>	<u>-</u>	<u>82.361.110</u>	<u>13.863.841.802</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.674.686.448 VND.

**4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/01/2011	1.046.686.000	1.425.873.503	251.613.887	2.724.173.390
Tăng trong năm	-	-	33.000.000	33.000.000
Vào ngày 31/12/2011	<u>1.046.686.000</u>	<u>1.425.873.503</u>	<u>284.613.887</u>	<u>2.757.173.390</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/01/2011	1.046.686.000	1.425.873.503	115.763.256	2.588.322.759
Khấu hao tăng trong năm	-	-	55.822.774	55.822.774
Vào ngày 31/12/2011	<u>1.046.686.000</u>	<u>1.425.873.503</u>	<u>171.586.030</u>	<u>2.644.145.533</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/01/2011	-	-	135.850.631	135.850.631
Vào ngày 31/12/2011	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>113.027.857</u>	<u>113.027.857</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Xây dựng cơ bản dở dang:				
- Công trình nâng cấp bãi lên xuống bến xe Miền Tây	144.522.727	4.045.132.318	(4.189.655.045)	-
- Công trình nâng cấp bãi đậu xe bến xe Miền Tây	30.732.727	4.084.016.005	(4.114.748.732)	-
- Công trình nạo vét, khai thông hệ thống thoát nước	5.872.273	426.213.319	(432.085.592)	-
- Công trình cải tạo khu vực các DN tự bán vé	-	256.513.319	(256.513.319)	-
- Công trình cải tạo hệ thống thoát nước	-	198.722.727	-	198.722.727
- Công trình nâng cấp đường nội bộ	-	128.088.246	(128.088.246)	-
- Công trình thoát nước bãi đậu xe	-	60.725.422	(60.725.422)	-
- Công trình máy bơm nước triều cường	-	26.253.872	(26.253.872)	-
- Công trình cải tạo nhà ga bến xe Miền Tây	-	33.210.596	-	33.210.596
	<b>181.127.727</b>	<b>9.258.875.824</b>	<b>(9.208.070.228)</b>	<b>231.933.323</b>

**4.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư vào công ty liên kết	(a)	7.533.882.404	3.191.532.404
Đầu tư dài hạn khác	(b)	19.000.000.000	19.000.000.000
		<b>26.533.882.404</b>	<b>22.191.532.404</b>

(a) Đây là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần xe khách và dịch vụ miền Tây, số lượng 700.190 cổ phần. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty số 03/2011/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 01 năm 2011, vốn góp của Công ty trong công ty này sẽ là 12 tỷ đồng để nắm giữ 1.200.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND (tương ứng 20% vốn điều lệ). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty còn phải góp vào công ty này là 4.342.350.000 VND như theo cam kết.

(b) Cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn vay 19.000.000.000 VND theo hợp đồng vay vốn số 25/HDVV -SC ngày 28/2/2011 và phụ lục số 143/PLHDVV-SC ngày 30/12/2011 với số tiền cho vay được chuyển từ số dư nợ vay của các thỏa thuận vay vốn số 40/TTVV - SC ngày 19/05/2010, số 03/TTVV - SC ngày 01/01/2009, số 18/PLTTVV - SC ngày 01/3/2009:

Số tiền cho vay : 19.000.000.000 VND  
 Lãi suất cho vay : 1,166%/tháng, tương đương 14%/năm, trả lãi hàng tháng. Lãi suất sẽ điều chỉnh theo lãi suất thay đổi của ngân hàng.  
 Mục đích cho vay : bổ sung vốn kinh doanh

**4.12 Phải trả người bán**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải trả nhà cung cấp/ hàng hóa	-	11.269.500
Phải trả nhà cung cấp/ dịch vụ	1.102.657.190	97.893.354
	<b>1.102.657.190</b>	<b>109.162.854</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	528.974.087	312.023.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.456.179.290	878.962.172
	<u>1.985.153.377</u>	<u>1.190.986.083</u>

**4.14 Chi phí phải trả**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trích bổ sung tiền thuê đất năm 2011	2.800.000.000	-
Khác	29.318.200	-
	<u>2.829.318.200</u>	<u>-</u>

Theo hợp đồng thuê đất số 5863/HĐ-TNMT-DKKTĐ ngày 13 tháng 8 năm 2009 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty có thuê 47.392,40 m<sup>2</sup> đất tại số 395 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân trong thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 11/01/2002 để sử dụng làm bến xe với giá tiền thuê đất ổn định trong 5 năm : từ ngày 27/7/2006 đến ngày 26/7/2011 là 69.000 đồng/m<sup>2</sup>/một năm. Từ ngày 27/7/2011 trở về sau giá tiền thuê đất được xác định lại theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính Phủ, đơn giá đất để tính tiền thuê được xác định sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường. Trong thời gian chờ hoàn tất các thủ tục để trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xác định đơn giá thuê theo giá thị trường, Công ty tạm trích bổ sung tiền thuê cho thời gian từ 27/7/2011 đến ngày 31/12/2011 theo mức giá gấp 3 lần của mức giá cùng kỳ năm trước.

**4.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thu hộ tiền bán vé của các doanh nghiệp vận tải	414.824.850	543.676.200
Cổ tức phải trả	7.500.083.333	7.500.083.333
Kinh phí công đoàn	42.342.245	29.873.512
Tài sản thừa chờ xử lý	540.800	540.800
Phải trả tiền ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng	17.425.590	17.425.590
	<u>7.975.216.818</u>	<u>8.091.599.435</u>

**4.16 Quỹ khen thưởng và phúc lợi, thưởng Ban điều hành**

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	1.792.624.888	2.505.289.109
Tăng trong năm	2.357.846.880	2.286.138.367
Chi trong năm	(2.454.166.678)	(2.998.802.588)
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>1.696.305.090</u>	<u>1.792.624.888</u>

**4.17 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>1.402.684.081</u>	<u>1.227.988.700</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4.18 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	184.020.788	267.375.838
Tăng trong năm	264.067.923	137.236.980
Chi trong năm	(393.566.141)	(220.592.030)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>54.522.570</b>	<b>184.020.788</b>

**4.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước (01/01/2010)	25.000.000.000	11.294.876.975	1.778.568.901	578.533.278	6.958.022.977	45.610.002.131
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	17.629.305.016	17.629.305.016
Trích quỹ trong năm trước	-	1.566.102.467	783.051.233	500.000.000	(2.849.153.700)	-
Trích cổ tức năm trước	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thù lao của HĐQT và các thành viên không trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	-	(156.678.004)	(156.678.004)
Thuế TNDN được miễn giảm bổ sung quỹ ĐTPT	-	1.968.280.348	-	-	(1.968.280.348)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.566.102.467)	(1.566.102.467)
Chi thường HĐQT và Ban điều hành	-	-	-	(578.534.000)	-	(578.534.000)
Phân loại lại như khoản phải trả	-	-	-	(499.999.278)	-	(499.999.278)
Số dư cuối năm trước (31/12/2010)	25.000.000.000	14.829.259.790	2.561.620.134	-	10.547.113.474	52.937.993.398
Số dư đầu năm nay (01/01/2011)	25.000.000.000	14.829.259.790	2.561.620.134	-	10.547.113.474	52.937.993.398
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	18.504.467.415	18.504.467.415
Trích quỹ trong năm nay	-	2.776.270.321	-	-	(2.776.270.321)	-
Trích cổ tức năm nay	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thù lao của HĐQT và các thành viên không trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	-	(203.663.204)	(203.663.204)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.850.846.880)	(1.850.846.880)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư cuối năm nay (31/12/2011)	25.000.000.000	17.605.530.111	2.561.620.134	-	16.220.800.484	61.387.950.729

Việc tạm trích lập các quỹ và chia cổ tức trong năm 2011 căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 01 năm 2012.

**Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	2011 VND	2010 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000

Cổ tức, lợi nhuận năm 2010 đã chi trả cho cổ đông trong năm 2011 là 7.500.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4.19 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu thường	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu thường	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>48.265.958.112</u>	<u>41.054.100.190</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<u><b>48.265.958.112</b></u>	<u><b>41.054.100.190</b></u>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ cung ứng	<u>26.769.687.703</u>	<u>19.554.111.121</u>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.306.548.616	2.400.841.356
Lãi cho vay	2.916.166.000	2.080.500.000
Lãi ủy thác đầu tư	750.822.260	724.944.438
Cổ tức, lợi nhuận được chia	398.932.500	79.786.500
Lãi trái phiếu	-	16.005.556
	<u><b>8.372.469.376</b></u>	<u><b>5.302.077.850</b></u>

**5.4 Thu nhập khác**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	59.045.455	260.909.090
Thu tiền dịch vụ từ các DN vận tải	714.586.295	724.524.427
Thu nhập khác	110.734.459	124.218.659
	<u><b>884.366.209</b></u>	<u><b>1.109.652.176</b></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**5.5 Chi phí khác**

	2011 VND	2010 VND
Nộp phạt thuế	504.723	126.712.700
Chi phí khác	10.909.000	-
	<b>11.413.723</b>	<b>126.712.700</b>

**5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	2011 VND	2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.545.149.147	21.176.569.857
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(398.427.777)	885.610.898
<i>Cộng các khoản chi phí không được trừ</i>	504.723	981.402.954
<i>Trừ thu nhập không chịu thuế</i>	(398.932.500)	(95.792.056)
Tổng thu nhập chịu thuế	24.146.721.370	22.062.180.755
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	6.036.680.343	5.515.545.189
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 bổ sung theo biên bản kiểm toán Nhà nước	4.001.389	-
Thuế TNDN được miễn 50%	-	(1.968.280.348)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>6.040.681.732</b>	<b>3.547.264.841</b>

**5.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2011	2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	18.504.467.415	17.629.305.016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	18.504.467.415	17.629.305.016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<b>7.402</b>	<b>7.052</b>

**5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	397.266.375	75.193.523
Chi phí nhân viên	17.068.520.566	13.422.900.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.317.803.901	1.679.920.584
Tiền thuê đất	6.070.075.600	3.270.075.600
Chi phí khác bằng tiền	6.112.564.385	7.714.457.142
	<b>32.966.230.827</b>	<b>26.162.547.659</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn	Thu lãi cho vay	2.916.166.000
	Cho vay	2.000.000.000
	Trả cổ tức	3.825.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu (COMECO)	Trả cổ tức	132.900.000
	Mua nhiên liệu	4.210.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Quận 8	Phải trả chi phí thi công	4.559.215.569
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Nhận cổ tức	398.932.500
	Phải trả tiền cung ứng dịch vụ	13.821.159

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/ (Phải trả) VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn	Cho vay ngắn hạn	2.000.000.000
	Cho vay dài hạn	19.000.000.000
	Phải trả cổ tức	(3.825.000.000)
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Quận 8	Phải trả tiền thi công	(202.757.503)
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu (COMECO)	Phải trả cổ tức	(132.900.000)

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau :

	2011 VND	2010 VND
Lương và thưởng	<u>1.789.898.327</u>	<u>1.335.048.813</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**6.2 Số liệu so sánh**

Một vài số liệu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước (năm 2010) được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo của năm tài chính hiện hành:

	Số liệu năm 2010 đã báo cáo VND	Điều chỉnh tăng/(giảm) VND	Số liệu năm 2010 được trình bày lại VND
Giá vốn dịch vụ cung ứng	18.897.781.722	656.329.399	19.554.111.121
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.264.765.937	(656.329.399)	6.608.436.538

Nguyên nhân do phân loại lại một số loại chi phí, trong đó chủ yếu là tiền thuê đất.

Trong năm tài chính trước Công ty lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp.  
Trong năm tài chính này Công ty lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp.



**ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN**  
Kế toán trưởng



**KIỀU NAM THÀNH**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012